



1. ^{xiě yì xiě} 写一写 (Learn to write.)

二						
四						
六						
八						
十						



2. ^{shù bǐ huà} 数笔画 (Count the Stroke)

四 五 六 七 九 十



zhào lì zì lián yì lián

3. 照例子连一连 (Link after the model.)

四	五	六	七	八	九
/	ㄇ	乚	ㄣ	乙	丶

第一画

第二画



zhào lì zì xuǎn zé zhèng què dá àn

4. 照例子选择正确答案 (Choose the right answers after the model.)

lì
例：四 (√) () ()

五 () () ()

六 () () ()

七 () () ()

八 () () ()